

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VĨNH LONG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04-3-2022

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN-TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Dương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Ánh

Ông Lâm Tấn Phát

-Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hưng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân không tham gia phiên tòa

Ngày 04 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị , sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: Số 52/84/81B NH, P 2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Ông Trần Xuân H, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 06, ấp HB, xã N, huyện Bì, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2021 và các lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phan Thị G trình bày:

Vào năm 1991 bà có sinh sống như vợ chồng với ông Trần Xuân H sinh năm 1957, đến năm 1992 bà có sinh một con gái tên Trần Xuân T, sinh ngày 15/12/1992 đến năm 1995 bà sinh tiếp bé trai tên Trần Xuân Đ sinh ngày 17/07/1995.

Đến năm 1997 vợ chồng bà có nhiều mâu thuẫn nên đã chia tay cho đến nay. Vợ chồng bà không có đăng ký kết hôn.

Nay bà đề nghị được ly hôn với ông Trần Xuân H. Lý do vì vợ chồng bà không còn chung sống từ năm 1997 cho đến nay.

Về con chung: Trần Xuân T, sinh ngày 15/12/1992 và Trần Xuân Đ sinh ngày 17/07/1995 đã trưởng thành

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn ông Trần Xuân H trình bày: ông thống nhất với lời trình bày của bà Phan Thị G. Ông H và bà G chung sống với nhau từ năm 1991, có 02 con chung là Trần Xuân T, sinh ngày 15/12/1992 và Trần Xuân Đ sinh ngày 17/07/1995. Vào năm 1997 thì ông và bà G có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống nên ông, bà chia tay. Khi chung sống thì ông, bà không có đăng ký kết hôn. Ông thống nhất ly hôn với bà G, con chung đã trưởng thành, tài sản chung, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Phan Thị G về việc yêu cầu được ly hôn với ông Trần Xuân H; về con chung Trần Xuân T, sinh ngày 15/12/1992 và Trần Xuân Đ sinh ngày 17/07/1995 đã trưởng thành; về tài sản chung, nợ chung bà Gám xác định không có, không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết là tranh chấp về ly hôn, được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Trần Xuân H có nơi cư trú tại huyện Bình Tân, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án nhân dân huyện Bình Tân không phải tiến hành thu thập chứng cứ; các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị G và ông Trần Xuân H chung sống với nhau từ năm 1991, có đủ điều kiện để kết hôn nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân giữa bà Gám và ông Hoàng không có giá trị pháp lý được quy định theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 11, Điều 87 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Hội đồng xét xử không công nhận bà Phan Thị G và ông Trần Xuân H là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Trần Xuân T, sinh ngày 15/12/1992 và Trần Xuân Đ sinh ngày 17/07/1995 đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về quan hệ tài sản: không tranh chấp nên hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3.4] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Phan Thị G là người cao tuổi nên được miễn nộp. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Phan Thị G.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 11, 87 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 3 Luật người cao tuổi

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Phan Thị G và ông Trần Xuân H là vợ chồng

2. Về con chung: Trần Xuân T, sinh ngày 15/12/1992 và Trần Xuân Đ sinh ngày 17/07/1995 đã trưởng thành

3. Về quan hệ tài sản (tài sản chung, nợ chung): không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm:

Miễn án phí cho bà Phan Thị G, hoàn trả cho bà Phan Thị G 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, theo biên lai thu số 0013363 ngày 15/12/2021 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh VL;
- VKSND huyện Bình tân;
- THADS huyện Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Ánh Dương